

Số: /TB-SGDĐT

Ninh Thuận, ngày tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO

Xét duyệt/Thẩm định quyết toán ngân sách năm 2022
Đơn vị được thông báo: Trường THPT Chu Văn An
Mã chương: 422

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường THPT Chu Văn An và biên bản xét duyệt/thẩm định) quyết toán ngày 10/4/2023 giữa Trường THPT Chu Văn An và Tổ xét duyệt Quyết toán;

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2022 (không bao gồm KP đầu tư XDCB) của Trường THPT Chu Văn An như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu trong năm

- Học phí

+ Tổng số thu trong năm: 2.034.625.500 đồng

+ Số phải nộp ngân sách nhà nước: 0 đồng

+ Số phí được khấu trừ, để lại: 2.034.625.500 đồng

- Hoạt động dịch vụ (căn tin, xe đạp, thu khác,...)

+ Tổng số thu trong năm: 823.177.058 đồng

+ Số phải nộp ngân sách nhà nước: 15.657.194 đồng

+ Số phí được khấu trừ, để lại: 807.519.864 đồng

b) Quyết toán chi ngân sách (Dự toán chi NSNN):

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 55.076.616 đồng.

- Dự toán được giao trong năm: 15.588.905.000 đồng

+ Kinh phí tự chủ (nguồn 13): 15.268.930.000 đồng

+ Kinh phí không tự chủ (nguồn 12): 105.845.000 đồng

+ Kinh phí CCTL (nguồn 14): 214.130.000 đồng

- Kinh phí thực nhận trong năm: 15.116.910.883 đồng;

- Kinh phí quyết toán: 15.116.910.883 đồng;
- Kinh phí giảm (huỷ) trong năm: 24.966.000 đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 502.104.733 đồng, bao gồm:

- + Kinh phí đã nhận: 0 đồng;
- + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 502.104.733 đồng
(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c đính kèm)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: 0 đồng
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: 0 đồng
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

Tình hình quyết toán ngân sách đối với các nhiệm vụ chi: đơn vị sử dụng ngân sách cấp để chi cho hoạt động thường xuyên đảm bảo đúng quy định, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

a) Thu trong năm

- Học phí

- + Chênh lệch thu chi năm trước chuyển sang: 0 đồng
- + Tổng số thu trong năm: 2.034.635.500 đồng
- + Số phải nộp NSNN: 0 đồng
- + Số phí được khấu trừ, để lại: 0 đồng
- + Số chi trong năm: 167.775.830 đồng
- + Chênh lệch thu chi chuyển sang năm sau: 1.866.859.670 đồng

- Hoạt động dịch vụ (căn tin, xe đạp, thu khác)

- + Chênh lệch thu chi năm trước chuyển sang: 0 đồng
- + Tổng số thu trong năm: 823.177.058 đồng
- + Số phải nộp NSNN: 15.657.194 đồng
- + Số phí được khấu trừ, để lại: 807.519.864 đồng
- + Số chi trong năm: 459.430.682 đồng
- + Chênh lệch thu chi chuyển sang năm sau: 348.089.182 đồng

b) Quyết toán chi ngân sách

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 55.076.616 đồng
- + Kinh phí tự chủ (nguồn 13): 30.641.524 đồng

- + Kinh phí CCTL (nguồn 14): 24.435.092 đồng
- Kinh phí được giao trong năm: 15.588.905.000 đồng
- + Kinh phí tự chủ (nguồn 13): 15.268.930.000 đồng
- + Kinh phí không tự chủ (nguồn 12): 105.845.000 đồng
- + Kinh phí CCTL (nguồn 14): 214.130.000 đồng
- Kinh phí được sử dụng trong năm: 15.643.981.616 đồng
- + Kinh phí tự chủ (nguồn 13): 15.299.571.524 đồng
- + Kinh phí không tự chủ (nguồn 12): 105.845.000 đồng
- + Kinh phí CCTL (nguồn 14): 238.565.092 đồng
- Kinh phí quyết toán: 15.116.910.883 đồng
- + Kinh phí tự chủ (nguồn 13): 15.036.031.883 đồng
- + Kinh phí không tự chủ (nguồn 12): 80.879.000 đồng
- Kinh phí giảm trong năm: 24.966.000 đồng
- Kinh phí được chuyển sang năm sau: 502.104.733 đồng
- + Kinh phí tự chủ (nguồn 13): 263.539.641 đồng (Các khoản chi hành chính)
- + Kinh phí không tự chủ (nguồn 12): 0 đồng
- + Kinh phí CCTL (nguồn 14): 238.565.092 đồng

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

vụ:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 2.214.938.852 đồng, trong đó:

- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng
 - Trích lập các Quỹ: 189.762.395 đồng
 - Kinh phí cải cách tiền lương: 972.140.428 đồng
- (Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2b đính kèm)

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: đơn vị nộp ngày 22/2/2023 đúng thời gian quy định của Sở.

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: Đầy đủ các biểu mẫu, đúng quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước: Đơn vị đã quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí được ngân sách cấp và nguồn thu phí đã tuân thủ các định mức, tiêu chuẩn, chế độ của Nhà nước.

- Tự chịu trách nhiệm về công tác kiểm quỹ tiền mặt tại đơn vị; nộp tiền mặt vào các tài khoản của đơn vị mở tại Kho bạc nhà nước và các ngân hàng không để tồn quỹ tiền mặt tại đơn vị nhiều.

- Phải rà soát, đối chiếu, xác nhận tất các khoản công nợ (phải thu và phải trả) giữa đơn vị với các tổ chức, cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan.

2. Kiến nghị:

- Đơn vị phải thực hiện kịp thời, đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của tổ xét duyệt/thẩm định quyết toán.

- Phải rà soát, kê khai và nộp các khoản thuế phát sinh trong năm 2022 tại đơn vị theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Tự chịu trách nhiệm về công tác kiểm quỹ tiền mặt tại đơn vị; yêu cầu định kỳ phải nộp tiền mặt vào các tài khoản của đơn vị mở tại Kho bạc nhà nước và các ngân hàng không để tồn quỹ tiền mặt tại đơn vị nhiều.

- Phải rà soát, đối chiếu, xác nhận tất các khoản công nợ (phải thu và phải trả) giữa đơn vị với các tổ chức, cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan; đồng thời, chịu trách nhiệm về số dư các khoản công nợ tại đơn vị.

- Thực hiện việc kiểm tra kiểm soát tại đơn vị tốt để tránh việc phát sinh các hiện tượng tiêu cực, lãng phí./.

Nơi nhận:

- Đơn vị được XD/TĐ quyết toán;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh, KBNN các huyện;
- Lưu: VT, KHTC (BTT, LTMH, NgTHV).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Huệ Khải